

THÔNG TƯ

Quy định về điều kiện kỹ thuật và khai thác đối với thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn được sử dụng có điều kiện

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 05 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 24/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về điều kiện kỹ thuật và khai thác đối với thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn có công suất hạn chế, ít khả năng gây nhiễu có hại được sử dụng có điều kiện.

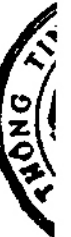
Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng, sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn được sử dụng có điều kiện.

Điều 2. Điều kiện chung

1. Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn đáp ứng các điều kiện kỹ thuật và khai thác theo các Phụ lục tương ứng (từ Phụ lục 1 đến Phụ lục 10) của Thông tư này được sử dụng có điều kiện và không cần giấy phép tần số vô tuyến điện.

2. Đối với thiết bị vô tuyến điện không đáp ứng đúng các điều kiện kỹ thuật và khai thác theo các Phụ lục tương ứng (từ Phụ lục 1 đến Phụ lục 10) của Thông tư này, tổ chức, cá nhân chỉ được phép sử dụng khi có giấy phép tần số vô tuyến điện.

3. Các thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn không được gây nhiễu có hại cho các thiết bị vô tuyến điện đã được cấp giấy phép tần số vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện được cơ quan quản lý cho phép hoạt động và phải chấp nhận nhiễu từ các thiết bị vô tuyến điện khác.



Trong trường hợp thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn gây nhiễu có hại, tổ chức, cá nhân phải ngừng ngay việc sử dụng và chỉ được hoạt động trở lại khi can nhiễu đã được khắc phục.

4. Các thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn phải chấp nhận nhiễu do các thiết bị ứng dụng trong công nghiệp, khoa học và y tế (ISM) gây ra khi dùng chung các băng tần sau đây dành cho ISM:

- a) Băng tần 13,553 ÷ 13,567 MHz;
- b) Băng tần 26,957 ÷ 27,283 MHz;
- c) Băng tần 40,66 ÷ 40,70 MHz;
- d) Băng tần 2400 ÷ 2500 MHz;
- e) Băng tần 5725 ÷ 5875 MHz;
- f) Băng tần 24000 ÷ 24500 MHz.

5. Việc sản xuất, nhập khẩu thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn được sử dụng có điều kiện phải tuân theo các quy định của pháp luật về nhập khẩu, chứng nhận và công bố phù hợp tiêu chuẩn.

6. Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn được sử dụng có điều kiện phải tuân theo các điều kiện về tần số và giới hạn phát xạ được quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Điều 3. Điều kiện kỹ thuật và khai thác đối với từng loại thiết bị vô tuyến điện cụ thể

Điều kiện kỹ thuật và khai thác đối với từng loại thiết bị vô tuyến điện cụ thể được quy định tại các Phụ lục sau đây của Thông tư này:

- Phụ lục 2: Điện thoại không dây
- Phụ lục 3: Hệ thống liên lạc dành cho thiết bị y tế cấy ghép (MICS) và Hệ thống đo lường dành cho thiết bị y tế cấy ghép (MITS)
- Phụ lục 4: Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID)
- Phụ lục 5: Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện
- Phụ lục 6: Thiết bị âm thanh không dây
- Phụ lục 7: Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện
- Phụ lục 8: Thiết bị mạng nội bộ không dây (WLAN)
- Phụ lục 9: Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện
- Phụ lục 10: Thiết bị truyền hình ảnh không dây

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 và thay thế Quyết định số 47/2006/QĐ-BBCVT ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc ban hành “Quy định về điều kiện kỹ thuật và khai thác đối với thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn được sử dụng có điều kiện”.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, tổ chức và cá nhân sử dụng, sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thiết bị vô tuyến điện cụ ly ngăn chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn hoặc xem xét, sửa đổi, bổ sung *ine*

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 4;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các Tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ TT&TT;
- Lưu: VT, CTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phụ lục 1

ĐIỀU KIỆN VỀ TẦN SỐ VÀ CÁC GIỚI HẠN PHÁT XẠ ĐỐI VỚI THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN CỤ LY NGĂN ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

	TẦN SỐ	PHÁT XẠ CHÍNH (công suất phát tối đa)	PHÁT XẠ GIẢ (công suất tối đa hoặc độ suy giảm phát xạ tối thiểu)	LOẠI THIẾT BỊ HOẶC ỨNG DỤNG
	A	B	C	D
1	115 + 150 kHz	≤ 4,5 mW ERP	Theo giới hạn phát xạ giả I ¹	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện
2	10,2 + 11 MHz	≤ 4 μW ERP	Theo giới hạn phát xạ giả I ¹	Thiết bị âm thanh không dây dùng cho trợ thính
3	13,533 + 13,567 MHz	≤ 4,5 mW ERP	Theo giới hạn phát xạ giả I ¹	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện Các loại thiết bị, ứng dụng khác [#]
4	26,957 + 27,283 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện Các loại thiết bị, ứng dụng khác [#]
5	29,7 + 30,0 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện
6	34,995 + 35,225 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện
7	40,02 + 40,98 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Điều khiển máy bay mô hình (Thuộc loại Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện)
8	40,66-40,7 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị âm thanh không dây Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện Các loại thiết bị, ứng dụng khác [#]
9	40,50 + 41,00 MHz	≤ 10 μW ERP	≥ 32 dBc ở đầu ra của máy phát	Các ứng dụng y tế và sinh học (Thuộc loại Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện)

	TẦN SỐ	PHÁT XẠ CHÍNH (công suất phát tối đa)	PHÁT XẠ GIẢ (công suất tối đa hoặc độ suy giảm phát xạ tối thiểu)	LOẠI THIẾT BỊ HOẶC ỨNG DỤNG
	A	B	C	D
10	43,71 + 44,00 MHz 46,60 + 46,98 MHz 48,75 + 49,51 MHz 49,66 + 50 MHz	≤ 183 μW ERP	≥ 32 dBc ở cự ly 3m	Thiết bị điện thoại không dây
11	50,01 + 50,99 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Điều khiển máy bay mô hình (Thuộc loại Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện)
12	72,00 + 72,99 MHz	≤ 1 W ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Điều khiển máy bay mô hình (Thuộc loại Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện)
13	88 + 108 MHz	≤ 3 μW ERP	≥ 32 dBc ở cự ly 3 m	Thiết bị âm thanh không dây (loại trừ thiết bị phát FM cá nhân)
		≤ 20 nW ERP		Thiết bị phát FM cá nhân (Thuộc loại Thiết bị âm thanh không dây)
14	146,35 + 146,5 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện
15	182,025 + 182,975 MHz	≤ 30 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị âm thanh không dây
16	216 + 217 MHz	≤ 10 μW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Các ứng dụng y tế và sinh học (Thuộc loại Thiết bị đo từ xa vô tuyến)
17	217,025 + 217,975 MHz	≤ 30 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị âm thanh không dây
18	218,025 + 218,475 MHz	≤ 30 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị âm thanh không dây
19	240,15 + 240,30 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện
20	300,00 + 300,33 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện
21	312 + 316 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện
				Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện
22	401 + 406 MHz	≤ 25 μW ERP	Theo giới hạn phát xạ giả 2 ⁱⁱⁱ	Hệ thống liên lạc dành cho thiết bị y tế cấy ghép (MICS)
23	401 + 402 MHz 403,5 + 403,8 MHz 405 + 406 MHz	≤ 100 nW ERP		Hệ thống đo lường dành cho thiết bị y tế cấy ghép (MITS)
24	433,05 + 434,79 MHz	≤ 10 mW ERP	≥ 32 dBc ở cự ly 3 m	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện
			≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện

	TẦN SỐ	PHÁT XẠ CHÍNH (công suất phát tối đa)	PHÁT XẠ GIẢ (công suất tối đa hoặc độ suy giảm phát xạ tối thiểu)	LOẠI THIẾT BỊ HOẶC ỨNG DỤNG
	A	B	C	D
				Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện
25	444,4 + 444,8 MHz	≤ 100 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện
26	470,075 + 470,725	≤ 10 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị âm thanh không dây
27	482,19 + 488,00 MHz	≤ 30 mW ERP	≥ 40 dBc ở đầu ra của máy phát	Thiết bị âm thanh không dây
28	821 + 822 MHz	≤ 183 μW ERP	≥ 32 dBc ở cự ly 3m	Thiết bị điện thoại không dây
29	866 + 868 MHz	≤ 500 mW ERP	≥ 32 dBc ở cự ly 3m	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện
30	920 + 925 MHz	≤ 500 mW ERP	≥ 32 dBc ở cự ly 3m	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện
31	924 + 925 MHz	≤ 183 μW ERP	≥ 32 dBc ở cự ly 3m	Thiết bị điện thoại không dây
32	2400 + 2483,5 MHz	≤ 100 mW EIRP và ≤ 100 mW/100KHz EIRP đối với thiết bị sử dụng điều chế FHSS hoặc ≤ 10 mW/1MHz EIRP đối với thiết bị sử dụng điều chế khác	Theo giới hạn phát xạ giá 4 ^v	Thiết bị mạng nội bộ không dây (WLAN)
			10 mW EIRP	Thiết bị truyền hình ảnh không dây
			Theo giới hạn phát xạ giá 2 ^{III}	Các loại thiết bị, ứng dụng khác ^{II} sử dụng kỹ thuật trái phỏ
33	5150 + 5250 MHz	≤ 200 mW EIRP và ≤ 10 mW/MHz	Theo giới hạn phát xạ giá 6 ^{VII}	Thiết bị mạng nội bộ không dây (WLAN)
34	5250 + 5350 MHz	≤ 200 mW EIRP và ≤ 10 mW/MHz	Theo giới hạn phát xạ giá 6 ^{VII}	Thiết bị mạng nội bộ không dây (WLAN)
35	5470 + 5725 MHz	≤ 1 W EIRP và ≤ 50 mW/MHz	Theo giới hạn phát xạ giá 6 ^{VII}	Thiết bị mạng nội bộ không dây (WLAN)
36	5725 + 5850 MHz	≤ 1 W EIRP và ≤ 50 mW/MHz	Theo giới hạn phát xạ giá 6 ^{VII}	Thiết bị mạng nội bộ không dây (WLAN)
		25 mW EIRP	Theo giới hạn phát xạ giá 2 ^{III}	Các loại thiết bị, ứng dụng khác ^{II}
37	10,5 + 10,55 GHz	≤ 100 mW EIRP	Theo giới hạn phát xạ giá 5 ^{VI}	Thiết bị truyền hình ảnh không dây
38	24 + 24,25 GHz	≤ 100 mW EIRP	Theo giới hạn phát xạ giá 5 ^{VI}	Thiết bị truyền hình ảnh không dây
				Các loại thiết bị, ứng dụng khác ^{II}

ⁱ Theo giới hạn phát xạ giả 1: các giới hạn phát xạ giả được quy định tại điểm 3.2.1 Phụ lục 4 hoặc tại điểm 3.2.1 Phụ lục 5 hoặc tại điểm 3.2.1 của Phụ lục 7 của Thông tư này.

ⁱⁱ Các loại thiết bị, ứng dụng khác: các loại thiết bị cụ thể ngăn đáp ứng đúng các điều kiện quy định tại các cột A, B, C tương ứng là thiết bị được sử dụng có điều kiện không cần các quy định riêng khác.

ⁱⁱⁱ Theo giới hạn phát xạ giả 2: các giới hạn phát xạ giả được quy định tại điểm 3.2 Phụ lục 3 của Thông tư này

^{iv} Theo giới hạn phát xạ giả 3: Giới hạn phát xạ giả được quy định như sau:

- Tần số $47 \text{ MHz} \leq f \leq 74 \text{ MHz}$; $87,5 \text{ MHz} \leq f \leq 118 \text{ MHz}$; $174 \text{ MHz} \leq f \leq 230 \text{ MHz}$; $470 \text{ MHz} \leq f \leq 862 \text{ MHz}$:
 - + Chế độ hoạt động: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 4 nW
 - + Chế độ chờ: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 2 nW
- Các tần số khác nhỏ hơn 1000 MHz:
 - + Chế độ hoạt động: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 250 nW
 - + Chế độ chờ: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 2 nW
- Các tần số khác lớn hơn 1000 MHz:
 - + Chế độ hoạt động: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 1 μW
 - + Chế độ chờ: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 20 nW

^v Theo giới hạn phát xạ giả 4: các giới hạn phát xạ giả được quy định tại điểm 3.2.1 Phụ lục 8 của Thông tư này.

^{vi} Theo giới hạn phát xạ giả 5: các giới hạn phát xạ giả được quy định tại điểm 3.2.1 Phụ lục 10 của Thông tư này.

^{vii} Theo giới hạn phát xạ giả 6: các giới hạn phát xạ giả được quy định tại điểm 3.2.2 Phụ lục 8 của Thông tư này.

Phụ lục 2

ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC

ĐỐI VỚI ĐIỆN THOẠI KHÔNG DÂY ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Thiết bị điện thoại không dây gồm khối trung tâm và khối di động liên kết với nhau bằng sóng vô tuyến điện. Thiết bị điện thoại không dây được kết nối với mạng điện thoại công cộng qua giao diện tương tự hai dây.

Khối trung tâm (còn gọi là trạm gốc hoặc máy mẹ): được đặt cố định và đấu nối với hai dây điện thoại cố định của mạng điện thoại công cộng (PSTN); sử dụng anten tích hợp. Anten tích hợp là anten được thiết kế cố định, bố trí bên trong hoặc bên ngoài thiết bị và là một phần của thiết bị.

Khối di động (có thể có nhiều khối di động, còn gọi là máy con): máy cầm tay sử dụng anten tích hợp. Khối di động mang số thuê bao điện thoại của khối trung tâm.

Trong Phụ lục này thiết bị điện thoại không dây không bao gồm đầu cuối di động của các hệ thống thông tin di động tế bào số và các hệ thống thông tin di động số hoặc tương tự có kênh điều khiển vô tuyến từ trạm trung tâm như các hệ thống CT1, CT2, DECT, WLL.

Thiết bị điện thoại không dây được sử dụng có điều kiện tại các băng tần quy định tại điểm 2 phải đảm bảo đúng các điều kiện tại điểm 3 và 4 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

Thiết bị điện thoại không dây được sử dụng có điều kiện tại các cặp băng tần tương ứng dành cho khối trung tâm và khối di động sau đây:

	Khối trung tâm	Khối di động
2.1.	43,71 + 44,00 MHz;	48,75 + 49,51 MHz;
2.2.	46,60 + 46,98 MHz	49,66 + 50 MHz
2.3.	821 + 822 MHz	924 + 925 MHz

3) Điều kiện về phát xạ

3.1. Phát xạ chính: Công suất phát của phát xạ chính không được lớn hơn các giá trị tương ứng với các băng tần cụ thể như sau.

183 μ W ERP tại các băng tần 43,71 + 44,00 MHz; 48,75 + 49,51 MHz; 46,60 + 46,98 MHz; 49,66 + 50 MHz; 821 + 822 MHz; 924 + 925 MHz.

3.2. Phát xạ giả:

Tại các băng tần 43,71 + 44,00 MHz; 48,75 + 49,51 MHz; 46,60 + 46,98 MHz; 49,66 + 50 MHz; 821 + 822 MHz; 924 + 925 MHz: Độ suy giảm phát xạ giả so với phát xạ chính không được nhỏ hơn 32 dBc ở cự ly 3 m.

4) Các điều kiện khác

4.1. Các thiết bị điện thoại không dây chỉ được sử dụng phương thức phát thoại điều tần (F3E) hoặc điều pha (G3E).

Phụ lục 3

ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI HỆ THỐNG LIÊN LẠC DÀNH CHO THIẾT BỊ Y TẾ CÂY GHEP (MICS), HỆ THỐNG ĐO LƯỜNG DÀNH CHO THIẾT BỊ Y TẾ CÂY GHEP (MITS) ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Hệ thống liên lạc dành cho thiết bị y tế cấy ghép, sau đây gọi là MICS (Medical Implant Communications Systems) và Hệ thống đo lường dành cho thiết bị y tế cấy ghép, sau đây gọi là MITS (Medical Implant Telemetry Systems), là hệ thống bao gồm thiết bị y tế cấy ghép trong cơ thể người và thiết bị liên lạc vô tuyến bên ngoài dùng để trao đổi dữ liệu với thiết bị cấy ghép trong khoảng cách 2m, sau đó dữ liệu được truyền tới trung tâm xử lý và đến bác sỹ thông qua mạng viễn thông.

Trong hệ thống MICS, thiết bị cấy ghép và thiết bị liên lạc vô tuyến có trao đổi dữ liệu hai chiều. Trong hệ thống MITS, chỉ có truyền dữ liệu một chiều từ thiết bị cấy ghép tới thiết bị liên lạc vô tuyến tại các thời điểm đã lập trình trước.

Thiết bị MICS và MITS được sử dụng có điều kiện khi hoạt động tại các băng tần quy định tại điểm 2 của Phụ lục này phải đảm bảo đúng các điều kiện tại các điểm 3 và điểm 4 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

- 2.1. Thiết bị MICS được hoạt động có điều kiện tại băng tần: 401 ÷ 406 MHz.
 - 2.1.1. Độ rộng kênh chiếm dụng không được lớn hơn 300 kHz.
 - 2.1.2. Thiết bị MICS phải có ít nhất 9 kênh tần số được phân bố trên toàn bộ đoạn băng tần 401÷ 406 MHz.
- 2.2. Thiết bị MITS được hoạt động có điều kiện tại băng tần: 401 ÷ 402 MHz; 403,5 ÷ 403,8 MHz; 405 ÷ 406MHz.

3) Điều kiện về phát xạ

- 3.1. Phát xạ chính:
 - 3.1.1. Thiết bị MICS: Công suất ERP của phát xạ chính không được lớn hơn 25 μ W.
 - 3.1.2. Thiết bị MITS: Công suất ERP của phát xạ chính không được lớn hơn 100 nW.
- 3.2. Phát xạ giả:

Chế độ hoạt động:

- Tần số $47 \text{ MHz} \leq f \leq 74 \text{ MHz}$; $87,5 \text{ MHz} \leq f \leq 118 \text{ MHz}$; $174 \text{ MHz} \leq f \leq 230 \text{ MHz}$; $470 \text{ MHz} \leq f \leq 862 \text{ MHz}$: 4nW
- Các tần số khác dưới 1000 MHz: 250 nW
- Các tần số $f > 1000 \text{ MHz}$: 1 μ W

Chế độ chờ:

- Tần số $f \leq 1000 \text{ MHz}$: 2 nW
- Tần số $f > 1000 \text{ MHz}$: 20 nW

4) Các điều kiện khác

- 4.1. Thiết bị MICS phải dùng giao thức truyền dẫn sau khi nghe (Listen Before Transmit).**
- 4.2. Thiết bị MICS chỉ được phát khi có sự điều khiển từ bên ngoài. Trong trường hợp khẩn cấp, khi phát hiện các sự cố có thể gây nguy hiểm cho tính mạng hoặc sức khỏe của người bệnh, thiết bị MICS được phép truyền số liệu tức thời.**

Phụ lục 4

ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ NHẬN DẠNG VÔ TUYẾN ĐIỆN (RFID) ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID – Radio Frequency Identification) sử dụng sóng vô tuyến để tự động nhận dạng, theo dõi, quản lý hàng hoá, con người, động vật và các ứng dụng khác. Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện bao gồm hai khối riêng biệt được kết nối thông qua giao diện vô tuyến:

- Thẻ vô tuyến (RF tag) mang chip điện tử, có hoặc không có nguồn điện, được gắn trên đối tượng cần nhận dạng. Chip điện tử chứa thông tin về đối tượng đó.

- Thiết bị đọc (RF Reader) phát ra tần số nhất định để kích hoạt thẻ vô tuyến và thẻ vô tuyến sẽ phát ra thông tin của thẻ. Thông tin này được đầu đọc thu lại và chuyển tới hệ thống xử lý số liệu.

Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện khi hoạt động trên các băng tần quy định tại điểm 2 của Phụ lục này phải đảm bảo đúng các điều kiện tại các điểm 3 và điểm 4 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện tại các băng tần:

- 2.1. 115 ÷ 150 kHz với tần số trung tâm là 125 kHz và 134,2 kHz
- 2.2. 13,553 ÷ 13,567 MHz với tần số trung tâm là 13,56 MHz
- 2.3. 433,05 ÷ 434,79 MHz với tần số trung tâm là 433,92 MHz
- 2.4. 866 ÷ 868 MHz với tần số trung tâm của kênh thứ n được tính theo công thức:
 $865,9 \text{ MHz} + 0,2 \text{ MHz} * n; n = 1 \div 10$
- 2.5. 920 ÷ 925 MHz với băng thông lớn nhất cho phép của kênh nhảy tần ở mức suy giảm 20 dB là 500 kHz

3) Điều kiện về phát xạ

3.1. Phát xạ chính: Công suất phát của phát xạ chính không được lớn hơn các giá trị tương ứng với các băng tần cụ thể như sau:

3.1.1. 4,5 mW ERP tại băng tần 115 ÷ 150 kHz và 13,553 ÷ 13,567 MHz.

3.1.2. 10 mW ERP tại băng tần 433,05 ÷ 434,79 MHz

3.1.3. 500 mW ERP tại băng tần 866 ÷ 868 MHz; 920 ÷ 925 MHz.

3.2. Phát xạ giả:

3.2.1. Tại băng tần 115 ÷ 150 kHz và 13,553 ÷ 13,567 MHz:

Chế độ hoạt động:

- Tần số $9 \text{ kHz} \leq f \leq 10 \text{ MHz}$: 27 dB μ A/m giảm 3dB /8 độ chia

- Tần số $10 \text{ MHz} \leq f \leq 30 \text{ MHz}$: -3,5 dB μ A/m

- Tần số $47 \text{ MHz} \leq f \leq 74 \text{ MHz}$; $87,5 \text{ MHz} \leq f \leq 118 \text{ MHz}$; $174 \text{ MHz} \leq f \leq 230 \text{ MHz}$; $470 \text{ MHz} \leq f \leq 862 \text{ MHz}$: 4 nW
- Các tần số khác giữa 30 MHz và 1000 MHz : 250 nW

Chế độ chờ:

- Tần số $9 \text{ kHz} \leq f \leq 10 \text{ MHz}$: $6 \text{ dB } \mu\text{A/m}$ giảm $3 \text{ dB} / 8$ độ chia
- Tần số $10 \text{ MHz} \leq f \leq 30 \text{ MHz}$: $-24,5 \text{ dB } \mu\text{A/m}$
- Tần số $30 \text{ MHz} \leq f \leq 1000 \text{ MHz}$: 2 nW

3.2.2. Tại băng tần $433,05 + 434,79 \text{ MHz}$; $866 + 868 \text{ MHz}$; $920 + 925 \text{ MHz}$: độ suy giảm phát xạ giả so với phát xạ chính không được nhỏ hơn 32 dBc tại khoảng cách 3 m .

4) Các điều kiện khác

4.1. Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện hoạt động trong băng tần $920 + 925 \text{ MHz}$ phải sử dụng phương pháp điều chế trải phổ nhảy tần.

Phụ lục 5
ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC
ĐỐI VỚI THIẾT BỊ CẢNH BÁO VÀ PHÁT HIỆN VÔ TUYẾN ĐIỆN
ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện bao gồm bộ phận cảm biến và hệ thống điều khiển được kết nối với nhau qua giao diện vô tuyến

Một số loại thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện điển hình: thiết bị chống trộm, thiết bị phát hiện chuyển động.

Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện khi hoạt động tại các băng tần quy định tại điểm 2 của Phụ lục này phải đảm bảo đúng các điều kiện tại điểm 3 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện tại các băng tần:

- 2.1. 115 ÷ 150 kHz
- 2.2. 13,553 ÷ 13,567 MHz
- 2.3. 29,7 ÷ 30,0 MHz
- 2.4. 146,35 ÷ 146,5 MHz
- 2.5. 240,15 ÷ 240,3 MHz
- 2.6. 300 ÷ 300,33 MHz
- 2.7. 312 ÷ 316 MHz
- 2.8. 444,4 ÷ 444,8 MHz

3) Điều kiện về phát xạ

3.1. Phát xạ chính: Công suất phát của phát xạ chính không được lớn hơn các giá trị tương ứng với các băng tần cụ thể như sau:

3.1.1. 4,5 mW ERP tại băng tần 115 ÷ 150 kHz và 13,553 ÷ 13,567 MHz.

3.1.2. 100mW ERP tại các băng tần 29,7 ÷ 30,0 MHz; 146,35 ÷ 146,5 MHz; 240,15 ÷ 240,3 MHz; 300 ÷ 300,33 MHz; 312 ÷ 316 MHz; 444,4 ÷ 444,8 MHz.

3.2. Phát xạ giả:

3.2.1. Tại băng tần 115 ÷ 150 kHz và 13,553 ÷ 13,567 MHz:

Chế độ hoạt động:

- Tần số $9 \text{ kHz} \leq f \leq 10 \text{ MHz}$: 27 dB μ A/m giảm 3dB /8 độ chia
- Tần số $10 \text{ MHz} \leq f \leq 30 \text{ MHz}$: -3,5 dB μ A/m
- Tần số $47 \text{ MHz} \leq f \leq 74 \text{ MHz}$; $87,5 \text{ MHz} \leq f \leq 118 \text{ MHz}$; $174 \text{ MHz} \leq f \leq 230 \text{ MHz}$; $470 \text{ MHz} \leq f \leq 862 \text{ MHz}$: 4nW

- Các tần số khác giữa 30 MHz và 1000 MHz: 250 nW

Chế độ chờ:

- Tần số $9 \text{ kHz} \leq f \leq 10 \text{ MHz}$: 6 dB $\mu\text{A/m}$ giảm 3dB /8 độ chia
- Tần số $10 \text{ MHz} \leq f \leq 30 \text{ MHz}$: -24,5 dB $\mu\text{A/m}$
- Tần số $30 \text{ MHz} \leq f \leq 1000 \text{ MHz}$: 2 nW

3.2.2. Tại các băng tần 29,7 + 30,0 MHz; 146,35 + 146,5 MHz; 240,15 + 240,3 MHz; 300 + 300,33 MHz; 312 + 316 MHz; 444,4 + 444,8 MHz: Độ suy giảm phát xạ giả so với phát xạ chính không nhỏ hơn 40 dBc ở đầu ra của máy phát.

Phụ lục 6

ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ÂM THANH KHÔNG DÂY ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Thiết bị âm thanh không dây bao gồm các thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện để truyền dẫn âm thanh hoặc tín hiệu âm thanh đã qua điều chế ở cự ly ngắn

Một số loại thiết bị âm thanh không dây điển hình: microphone không dây cài áo, microphone không dây cầm tay, tai nghe không dây, máy phát FM cá nhân, thiết bị trợ thính.

Thiết bị âm thanh không dây được sử dụng có điều kiện khi hoạt động tại các băng tần quy định tại điểm 2 của Phụ lục này phải đảm bảo đúng các điều kiện tại điểm 3 và điểm 4 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

2.1. Thiết bị âm thanh không dây được sử dụng có điều kiện tại các băng tần sau:

2.1.1. 10,2 ÷ 11 MHz (chỉ dùng cho ứng dụng trợ thính)

2.1.2. 40,66 ÷ 40,70 MHz

2.1.3. 88 ÷ 108 MHz

2.1.4. 182,025 ÷ 182,975 MHz

2.1.5. 217,025 ÷ 217,975 MHz

2.1.6. 218,025 ÷ 218,475 MHz

2.1.7. 470,075 ÷ 470,725 MHz

2.1.8. 482,19 ÷ 488,00 MHz

2.2. Phân kênh và độ rộng kênh tần số

2.2.1. Đoạn băng tần 482,19 ÷ 488,00 MHz được phân kênh với tần số trung tâm như sau:

2.2.1.1. 482,19 MHz

2.2.1.2. 483,24 MHz

2.2.1.3. 483,42 MHz

2.2.1.4. 487,00 MHz

2.2.1.5. 488,00 MHz

2.2.2. Đoạn băng tần 470,075 ÷ 470,725 MHz được phân kênh với tần số trung tâm như sau:

2.2.2.1. 470,075 MHz

2.2.2.2. 470,150 MHz

2.2.2.3. 470,375 MHz

2.2.2.4. 470,625 MHz

2.2.2.5: 470,725 MHz

2.2.3. Tại các đoạn băng tần còn lại trong điểm 2.1 của Phụ lục này: độ rộng kênh không được lớn hơn 200 kHz và phải nằm trọn trong phạm vi các đoạn băng tần được phép hoạt động nêu tại điểm này.

3) Điều kiện về phát xạ

3.1. Phát xạ chính: Công suất phát của phát xạ chính không được lớn hơn các giá trị tương ứng với các băng tần sau:

3.1.1. 4 μ W EIRP trong băng tần 10,2 + 11 MHz.

3.1.2. 100 mW ERP trong băng tần 40,66 + 40,70 MHz.

3.1.3. Băng tần 88 + 108 MHz:

3.1.3.1. 20 nW EIRP đối với máy phát FM cá nhân.

3.1.3.2. 3 μ W ERP đối với các thiết bị khác thuộc loại thiết bị âm thanh không dây được sử dụng có điều kiện.

3.1.4. 10 mW ERP trong băng tần 470,075 + 470,725 MHz.

3.1.5. 30 mW ERP trong các băng tần còn lại.

3.2. Phát xạ giả:

3.2.1. Tại băng tần 88 + 108 MHz: Độ suy giảm phát xạ giả so với phát xạ chính không nhỏ hơn 32dBc ở cự ly 3m.

3.2.2. Tại băng tần 10,2 + 11 MHz; :

Chế độ hoạt động:

- Tần số $9 \text{ kHz} \leq f \leq 10 \text{ MHz}$: 27 dB μ A/m giảm 3dB /8 độ chia

- Tần số $10 \text{ MHz} \leq f \leq 30 \text{ MHz}$: -3,5 dB μ A/m

- Tần số $47 \text{ MHz} \leq f \leq 74 \text{ MHz}$; $87,5 \text{ MHz} \leq f \leq 118 \text{ MHz}$; $174 \text{ MHz} \leq f \leq 230 \text{ MHz}$; $470 \text{ MHz} \leq f \leq 862 \text{ MHz}$: 4nW

- Các tần số khác giữa 30 MHz và 1000 MHz: 250 nW

Chế độ chờ:

- Tần số $9 \text{ kHz} \leq f \leq 10 \text{ MHz}$: 6 dB μ A/m giảm 3dB /8 độ chia

- Tần số $10 \text{ MHz} \leq f \leq 30 \text{ MHz}$: -24,5 dB μ A/m

- Tần số $30 \text{ MHz} \leq f \leq 1000 \text{ MHz}$: 2 nW

3.2.3. Tại các băng tần 40,66 + 40,70 MHz; 182,025 + 182,975 MHz; 217,025 + 217,975 MHz; 218,025 + 218,475 MHz; 470,075 + 470,725 MHz; 482,19 + 488,00 MHz: Độ suy giảm phát xạ giả so với phát xạ chính không nhỏ hơn 40 dBc ở đầu ra của máy phát.

4) Điều kiện khác

Máy phát FM cá nhân chỉ được sử dụng băng tần 88 + 108 MHz.

Phụ lục 7

ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN TỪ XA VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện bao gồm các thiết bị dùng sóng vô tuyến để điều khiển các mô hình, điều khiển trong công nghiệp và gia dụng.

Một vài loại thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện điển hình: điều khiển mô hình trên không như máy bay mô hình, điều khiển mô hình trên mặt đất, mặt nước như ô tô mô hình và tàu thủy mô hình, điều khiển trong công nghiệp và dân dụng như điều khiển đóng mở cửa ô tô và garage.

Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện khi hoạt động tại các băng tần quy định tại điểm 2 của Phụ lục này phải đảm bảo đúng các điều kiện tại điểm 3 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện tại các băng tần sau:

- 2.1. 115 ÷ 150 kHz
- 2.2. 26,957 ÷ 27,283 MHz
- 2.3. 29,7 ÷ 30,0 MHz
- 2.4. 34,995 ÷ 35,225 MHz
- 2.5. 40,02 ÷ 40,98 MHz (chỉ dùng cho điều khiển mô hình máy bay)
- 2.6. 40,66 ÷ 40,70 MHz
- 2.7. 50,01 ÷ 50,99 MHz (chỉ dùng cho điều khiển mô hình máy bay)
- 2.8. 72,00 ÷ 72,99 MHz (chỉ dùng cho điều khiển mô hình máy bay)
- 2.9. 312 ÷ 316 MHz
- 2.10. 433,05 ÷ 434,79 MHz

3) Điều kiện về phát xạ

- 3.1. Phát xạ chính: Công suất phát hoặc cường độ trường của phát xạ chính không được lớn hơn các giá trị tương ứng với các băng tần sau:
 - 3.1.1. 4,5 mW ERP trong băng tần 115 ÷ 150 kHz.
 - 3.1.2. 100 mW ERP trong băng tần 26,957 ÷ 27,283 MHz; 29,7 ÷ 30,0 MHz; 34,995 ÷ 35,225 MHz; 40,02 ÷ 40,98 MHz; 40,66 ÷ 40,70 MHz ; 40,77 ÷ 40,83 MHz; 50,01 ÷ 50,99 MHz; 312 ÷ 316 MHz.
 - 3.1.3. 1 W ERP trong băng tần 72,00 ÷ 72,99 MHz (chỉ dùng cho điều khiển mô hình máy bay).
 - 3.1.4. 10 mW ERP trong băng tần 433,05 ÷ 434,79 MHz.
- 3.2. Phát xạ giả:

3.2.1. Tại băng tần 115 + 150 kHz:

Chế độ hoạt động:

- Tần số $9 \text{ kHz} \leq f \leq 10 \text{ MHz}$: 27 dB μ A/m giảm 3dB /8 độ chia
- Tần số $10 \text{ MHz} \leq f \leq 30 \text{ MHz}$: -3,5 dB μ A/m
- Tần số $47 \text{ MHz} \leq f \leq 74 \text{ MHz}$; $87,5 \text{ MHz} \leq f \leq 118 \text{ MHz}$; $174 \text{ MHz} \leq f \leq 230 \text{ MHz}$; $470 \text{ MHz} \leq f \leq 862 \text{ MHz}$: 4nW
- Các tần số khác giữa 30 MHz và 1000 MHz: 250 nW

Chế độ chờ:

- Tần số $9 \text{ kHz} \leq f \leq 10 \text{ MHz}$: 6 dB μ A/m giảm 3dB /8 độ chia
- Tần số $10 \text{ MHz} \leq f \leq 30 \text{ MHz}$: -24,5 dB μ A/m
- Tần số $30 \text{ MHz} \leq f \leq 1000 \text{ MHz}$: 2 nW

3.2.2. Trong băng tần 26,957 + 27,283 MHz; 29,7 + 30,0 MHz; 34,995 + 35,225 MHz; 40,02 + 40,98 MHz; 40,66 + 40,70 MHz; 50,01 + 50,99 MHz; 72,00 + 72,99 MHz; 312 + 316 MHz; 433,05 + 434,79 MHz: Độ suy giảm phát xạ giả so với phát xạ chính không được nhỏ hơn 40 dBc ở đầu ra của máy phát.

Phụ lục 8
ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC
ĐỐI VỚI THIẾT BỊ MẠNG NỘI BỘ KHÔNG DÂY (WLAN)
ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Thiết bị mạng nội bộ không dây, sau đây được gọi là “Thiết bị WLAN” (WLAN- Wireless Local Area Network), được sử dụng để thiết lập mạng nội bộ vô tuyến thay cho việc sử dụng dây cáp.

Một số loại thiết bị WLAN điển hình: điểm truy nhập (access point), bộ định tuyến không dây (wifi router), bộ điều hợp mạng không dây (wifi card).

Thiết bị WLAN được sử dụng có điều kiện khi hoạt động tại các băng tần quy định tại điểm 2 của Phụ lục này phải đảm bảo đúng các điều kiện tại các điểm 3 và điểm 4 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

Thiết bị WLAN được sử dụng có điều kiện tại các băng tần:

- 2.1. 2400 ÷ 2483,5 MHz
- 2.2. 5150 ÷ 5250 MHz
- 2.3. 5250 ÷ 5350 MHz
- 2.4. 5470 ÷ 5725 MHz
- 2.5. 5725 ÷ 5850 MHz

3) Điều kiện về phát xạ

- 3.1. Phát xạ chính: Công suất phát và mật độ phổ công suất của phát xạ chính không được lớn hơn các giá trị tương ứng với các băng tần cụ thể như sau:
 - 3.1.1. 100 mW EIRP trong băng tần 2400 ÷ 2483,5 MHz và 100 mW/100 KHz EIRP đối với thiết bị sử dụng điều chế FHSS hoặc 10 mW/1 MHz EIRP đối với thiết bị sử dụng điều chế khác
 - 3.1.2. 200 mW EIRP và 10 mW/MHz trong băng tần 5150 ÷ 5250 MHz
 - 3.1.3. 200 mW EIRP và 10 mW/MHz trong băng tần 5250 ÷ 5350 MHz
 - 3.1.4. 1 W EIRP và 50 mW/MHz tại 1 MHz bất kỳ trong băng tần 5470 ÷ 5725 MHz và băng tần 5725 ÷ 5850 MHz
- 3.2. Phát xạ giả: Thiết bị WLAN khi hoạt động tại các băng tần trên phải tuân thủ các giới hạn phát xạ giả của Phụ lục này:
 - 3.2.1. Tại băng tần 2400 ÷ 2483,5 MHz:
 - 3.2.1.1. Phát xạ giả băng hẹp:
Chế độ hoạt động: Công suất phát xạ giả không vượt quá các giá trị tương ứng dưới đây:
 - Các tần số $30 \text{ MHz} \leq f \leq 1 \text{ GHz}$: -36 dBm

- Các tần số $1,8 \text{ MHz} \leq f \leq 1,9 \text{ GHz}$; $5,15 \text{ GHz} \leq f \leq 5,3 \text{ GHz}$: -47 dBm
- Các tần số khác trong khoảng $1 \text{ GHz} \leq f \leq 12,75 \text{ GHz}$: -30 dBm

Chế độ chờ: Công suất phát xạ giả không vượt quá các giá trị tương ứng dưới đây.

- Các tần số $30 \text{ MHz} \leq f \leq 1 \text{ GHz}$: -57 dBm
- Các tần số $1 \text{ GHz} \leq f \leq 12,75 \text{ GHz}$: -47 dBm

3.2.1.2. Phát xạ giả băng rộng:

Chế độ hoạt động: Công suất phát xạ giả không vượt quá các giá trị tương ứng dưới đây:

- Các tần số $30 \text{ MHz} \leq f \leq 1 \text{ GHz}$: -86 dBm/Hz
- Các tần số $1,8 \text{ MHz} \leq f \leq 1,9 \text{ GHz}$; $5,15 \text{ GHz} \leq f \leq 5,3 \text{ GHz}$: -97 dBm/Hz
- Các tần số khác trong khoảng $1 \text{ GHz} \leq f \leq 12,75 \text{ GHz}$: -80 dBm/Hz

Chế độ chờ: Công suất phát xạ giả không vượt quá các giá trị tương ứng dưới đây:

- Các tần số $30 \text{ MHz} \leq f \leq 1 \text{ GHz}$: -107 dBm/Hz
- Các tần số $1 \text{ GHz} \leq f \leq 12,75 \text{ GHz}$: -97 dBm/Hz

3.2.2. Tại các băng tần 5150 + 5250 MHz, 5250 + 5350 MHz; 5470 + 5725 MHz; 5725 + 5850 MHz:

- Tần số $47 \text{ MHz} \leq f \leq 74 \text{ MHz}$; $87,5 \text{ MHz} \leq f \leq 118 \text{ MHz}$; $174 \text{ MHz} \leq f \leq 230 \text{ MHz}$; $470 \text{ MHz} \leq f \leq 862 \text{ MHz}$: -54 dBm ERP (với băng thông 100 kHz)
- Các tần số khác giữa 30 MHz và 1000 MHz: -36 dBm ERP (với băng thông 100 kHz)
- Tần số $1 \text{ GHz} \leq f \leq 26,5 \text{ GHz}$: -30 dBm ERP (với băng thông 1 MHz)

4) Các điều kiện khác

- 4.1. Các thiết bị WLAN chỉ được sử dụng ở trên mặt đất.
- 4.2. Các thiết bị WLAN hoạt động trong băng tần 5150 + 5250 MHz chỉ được sử dụng trong nhà (Indoor use).
- 4.3. Các hệ thống truy nhập vô tuyến hoạt động trong băng tần 5250 + 5350 MHz; 5470 + 5725 MHz phải có khả năng:
 - Lựa chọn kênh tần số động (DFS: Dynamic Frequency Selection)
 - Điều khiển công suất máy phát (TPC: Transmitter Power Control). Không bắt buộc áp dụng điều kiện này cho các hệ thống truy nhập vô tuyến hoạt động trong băng tần 5470 + 5725 MHz có công suất nhỏ hơn 500 mW EIRP
- 4.4. Các thiết bị WLAN được sử dụng cho mục đích cung cấp dịch vụ phải tuân theo các quy định về cung cấp dịch vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Phụ lục 9

ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ĐO TỪ XA VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện tự động hiển thị hoặc ghi lại các thông số đo lường và điều khiển các chức năng của thiết bị khác qua giao diện vô tuyến.

Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện khi hoạt động tại các băng tần quy định tại điểm 2 của Phụ lục này phải đảm bảo đúng các điều kiện tại điểm 3 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

Thiết bị đo từ xa vô tuyến được sử dụng có điều kiện tại các băng tần sau:

- 2.1. 26,957 ÷ 27,283 MHz
- 2.2. 29,70 ÷ 30,00 MHz
- 2.3. 40,50 ÷ 41,00 MHz (chỉ dùng cho các ứng dụng y tế và sinh học)
- 2.4. 216 ÷ 217 MHz (chỉ dùng cho các ứng dụng y tế và sinh học)
- 2.5. 433,05 ÷ 434,79 MHz

3) Điều kiện về phát xạ

- 3.1. Phát xạ chính: Công suất phát hoặc cường độ trường của phát xạ chính không được lớn hơn các giá trị tương ứng với các băng tần sau:
 - 3.1.1. 100 mW ERP trong băng tần 26,957 ÷ 27,283 MHz; 29,7 ÷ 30,0 MHz.
 - 3.1.2. 0,01 mW ERP trong băng tần 40,5 ÷ 41,0 MHz; 216 ÷ 217 MHz.
 - 3.1.3. 10 mW ERP tại băng tần 433,05 ÷ 434,79 MHz.
- 3.2. Phát xạ giả:
 - 3.2.1. Tại băng tần 26,957 ÷ 27,283 MHz; 29,7 ÷ 30,0 MHz; 216 ÷ 217 MHz; 433,05 ÷ 434,79 MHz: Độ suy giảm phát xạ giả so với phát xạ chính không nhỏ hơn 40 dBc ở đầu ra máy phát.
 - 3.2.2. Tại băng tần 40,50 ÷ 41,00 MHz: Độ suy giảm phát xạ giả so với phát xạ chính không nhỏ hơn 32 dBc ở cự ly 3m.

Phụ lục 10

ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ TRUYỀN HÌNH ẢNH KHÔNG DÂY ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ ĐIỀU KIỆN

1) Định nghĩa

Thiết bị truyền hình ảnh không dây (wireless video transmitter) dùng để truyền dữ liệu hình ảnh về hệ thống xử lý qua giao diện vô tuyến.

Một số loại thiết bị truyền hình ảnh không dây điển hình như: webcam không dây, camera không dây, thiết bị truyền hình ảnh không dây qua giao diện cổng USB từ máy tính.

Thiết bị truyền hình ảnh không dây được sử dụng có điều kiện khi hoạt động tại các băng tần quy định tại điểm 2 của Phụ lục này phải đảm bảo đúng các điều kiện tại điểm 3 của Phụ lục này.

2) Điều kiện về tần số

Thiết bị truyền hình ảnh không dây được sử dụng có điều kiện tại các băng tần sau:

2.1. 2400 + 2483,5 MHz

2.2. 10,50 + 10,55 GHz

2.3. 24,00 + 24,25 GHz

3) Điều kiện về phát xạ

3.1 Phát xạ chính: Công suất phát hoặc cường độ trường của phát xạ chính không được lớn hơn các giá trị tương ứng với các băng tần sau:

3.1.1. 10 mW EIRP trong băng tần 2400 + 2483,5 MHz;

3.1.2. 100 mW EIRP trong băng tần 24,00 + 24,25 GHz; 10,50 + 10,55 GHz.

3.2 Phát xạ giả:

3.2.1. Tại băng tần 2400 + 2483,5 MHz; 10,50 + 10,55 GHz và 24,00 + 24,25 GHz

Tần số $47 \text{ MHz} \leq f \leq 74 \text{ MHz}$; $87,5 \text{ MHz} \leq f \leq 118 \text{ MHz}$; $174 \text{ MHz} \leq f \leq 230 \text{ MHz}$; $470 \text{ MHz} \leq f \leq 862 \text{ MHz}$:

+ Chế độ hoạt động: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 4 nW

+ Chế độ chờ: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 2 nW

Các tần số khác nhỏ hơn 1000 MHz:

+ Chế độ hoạt động: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 250 nW

+ Chế độ chờ: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 2 nW

Các tần số khác lớn hơn 1000 MHz:

+ Chế độ hoạt động: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 1 μW

+ Chế độ chờ: Công suất phát xạ giả không vượt quá: 20 nW